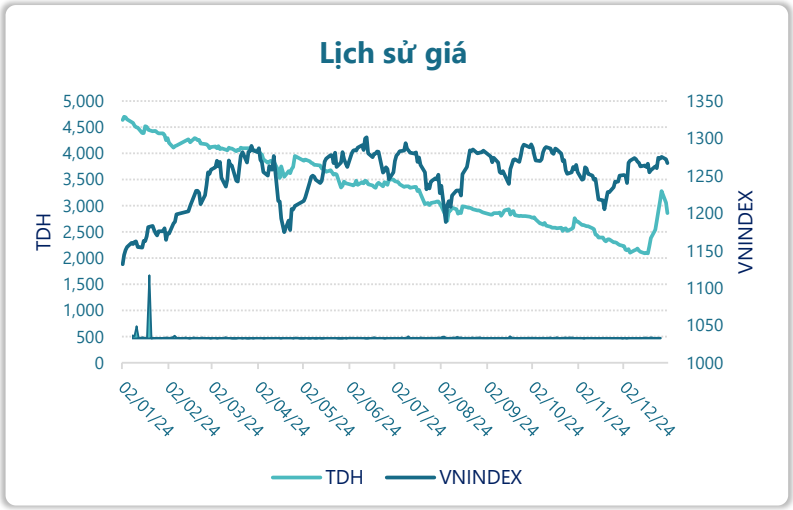
FireAnt

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,860**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,090
SL cổ phiếu LH	112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,509,900
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	322
P/E	-1.1
EPS	-2,557

DT thuần

Q4/24

12.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.54| 84.2%

YoY: ▼22.6| -65.2%

LN sau thuế

Q4/24

-284

tỷ VNĐ

QoQ: ▼314| -1061%

YoY: ▼248| -695%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-588%

+/- YoY: ▼ 537%

DT thuần

2024

48.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼71.2| -59.5%

LN sau thuế

2024

-288

tỷ VNĐ

YoY: ▼225| -359%

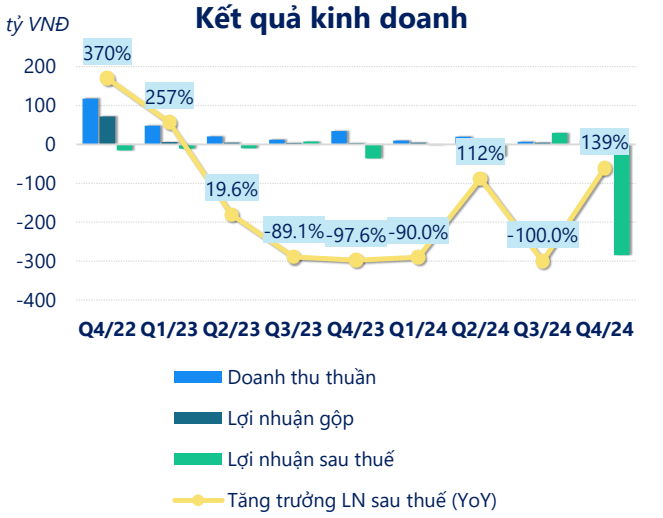
ROE

2024

-124%

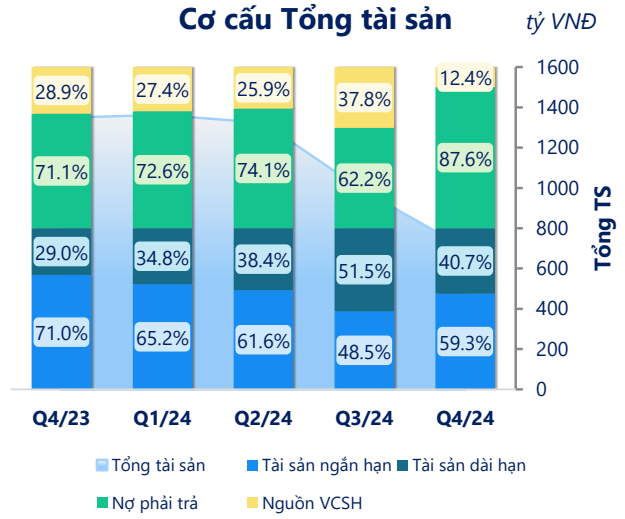
+/- YoY: ▼ 109%

Kết quả kinh doanh



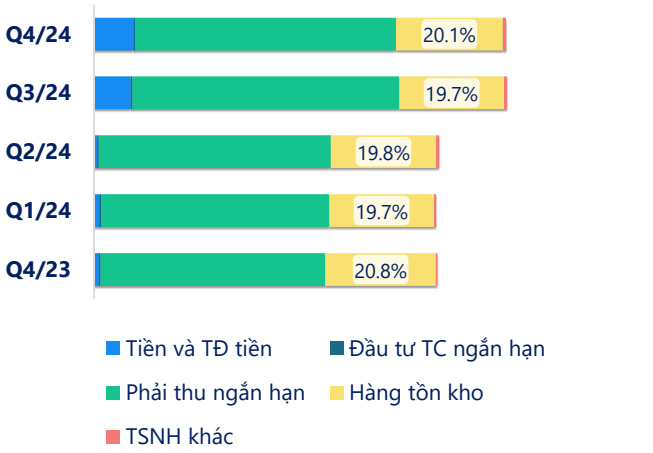
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



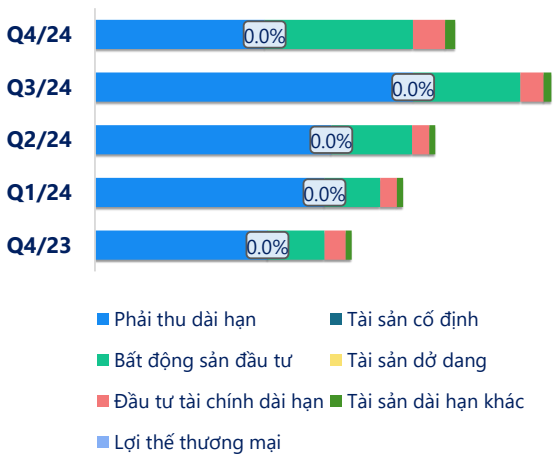
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



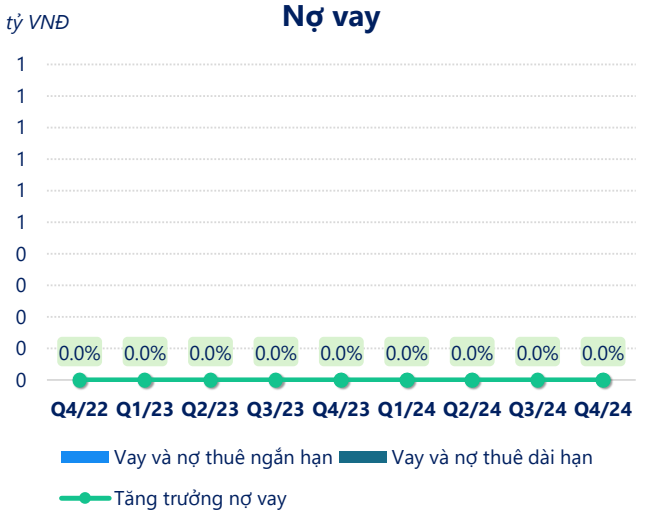
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



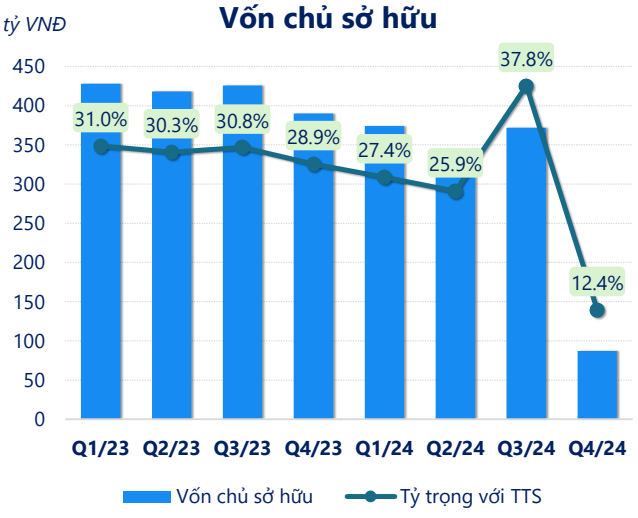
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



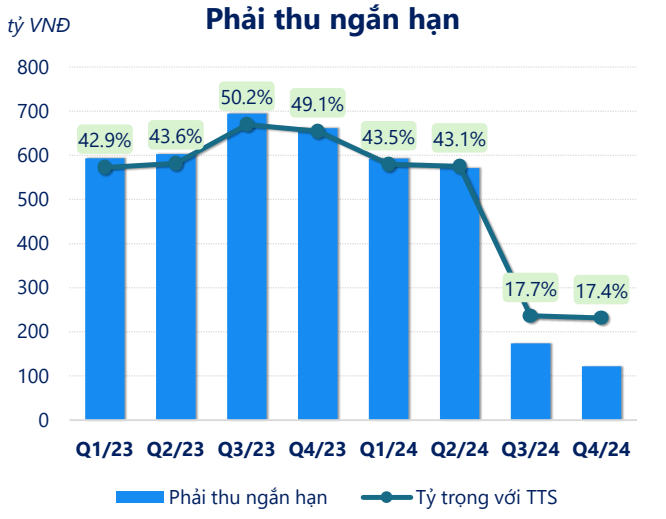
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



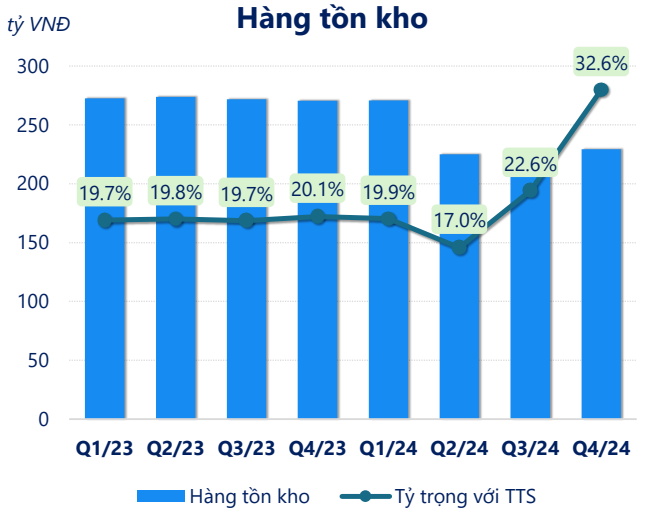
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



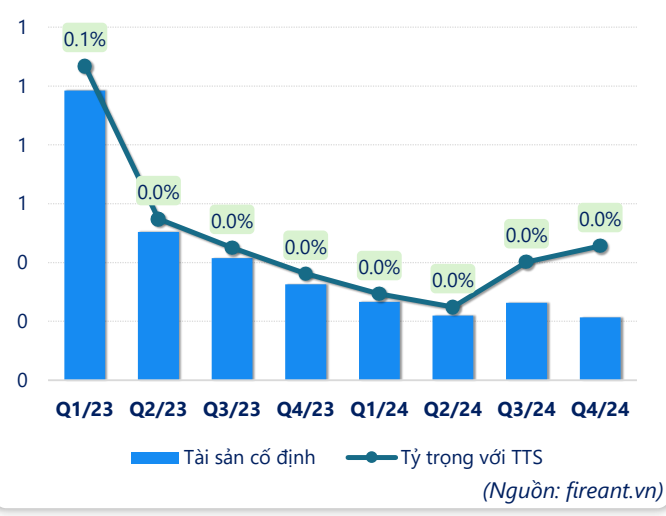
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



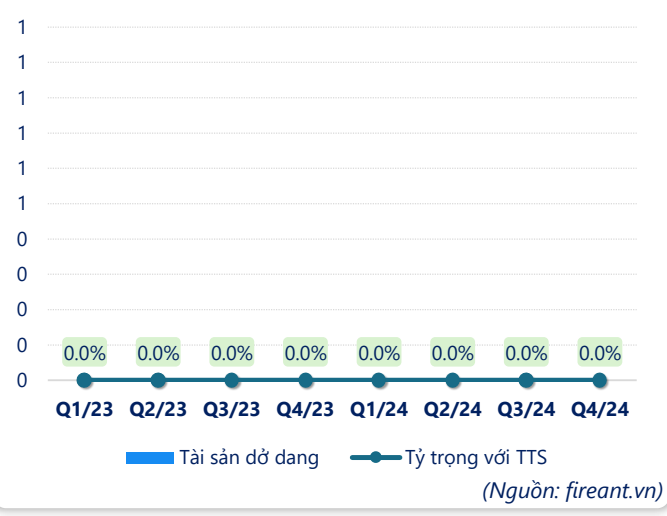
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



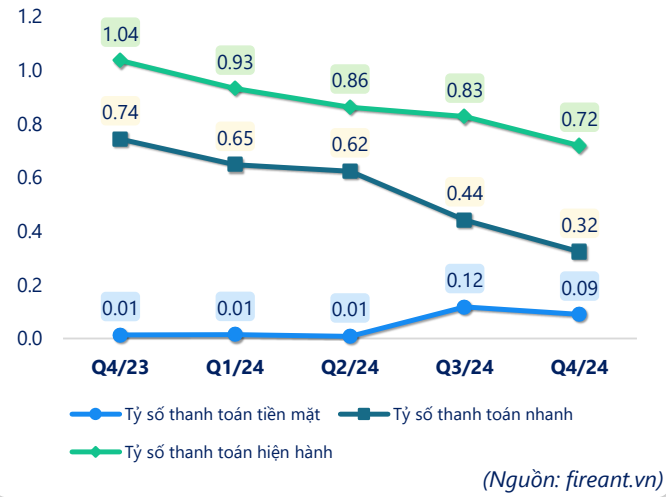
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



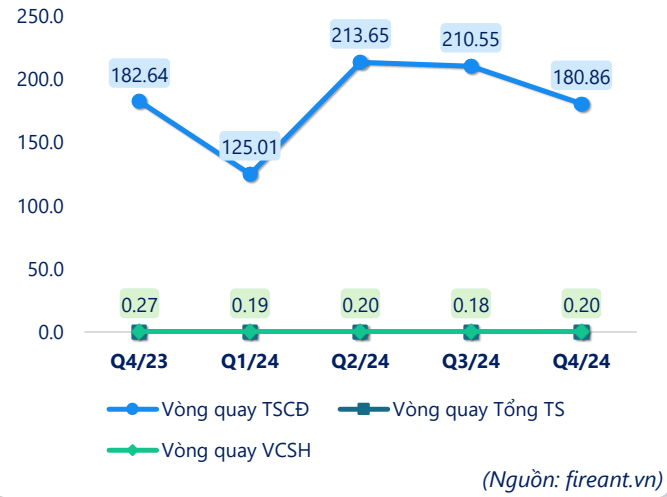
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,347**	**1,362**	**1,323**	**983**	**703**
Tài sản ngắn hạn	**957**	**889**	**815**	**477**	**417**
Tiền và tương đương tiền	12.3	13.3	7.54	67.8	51.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.80	2.93	2.83	3.01	3.26
Phải thu ngắn hạn	662	593	571	174	122
Hàng tồn kho	271	271	225	223	229
Tài sản ngắn hạn khác	8.72	8.89	8.79	9.19	10.4
Tài sản dài hạn	**390**	**474**	**508**	**506**	**286**
Phải thu dài hạn	262	353	353	353	134
Tài sản cố định	0.33	0.27	0.22	0.26	0.21
Bất động sản đầu tư	86.6	85.4	120	119	117
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	25.8	25.6	25.6	25.6
Tài sản dài hạn khác	8.97	9.55	9.07	8.56	8.07
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**957**	**988**	**981**	**611**	**615**
Nợ ngắn hạn	**924**	**954**	**946**	**576**	**580**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	144	143	143	144	144
Nợ dài hạn	33.4	34.5	34.6	34.8	35.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**390**	**374**	**342**	**372**	**87.1**
Vốn chủ sở hữu	**390**	**374**	**342**	**372**	**87.1**
Vốn điều lệ	1,127	1,127	1,127	1,127	1,127
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)